TOÀ PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 84/2025/HS-PT
Ngày 13/8/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Trần Quốc Cường, ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký phiên tòa: ông Lương Quang Toàn - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Trần Viết Tuấn **-** Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 273/2025/TLPT-DS ngày 03/6/2025 đối với bị cáo Mai Xuân T1**,** Trần Đình T2 về "*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản", "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", "Tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", "Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*, do Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2025/HS-ST ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà bị kháng cáo.

1. Bị cáo: Mai Xuân T1, sinh ngày 28/12/1996, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố L, phường C, tỉnh Khánh Hòa*)*; C ở trước khi bị bắt: Tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố L, phường C, tỉnh Khánh Hòa*)*; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mai Minh H, sinh năm 1956 và con bà Phạm Thị N, sinh năm 1964; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2023, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo: Trần Đình T2, sinh ngày 15/4/1997, tại Bình Thuận; Nơi cư trú: Tổ B thôn L, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là tổ B thôn L, xã L, tỉnh Lâm Đồng*)*; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; Dân Tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Không rõ cha; Con bà Trần Thị B, sinh năm 1965; Có vợ tên Hoàng Thị Đ, sinh năm 2000 (chưa đăng ký kết hôn); Có 01 con, sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 59/2023/HSST ngày 28/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 04 năm tù về "Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Bị cáo đang chấp hành án Bản án số 59/2023/HSST ngày 28/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, thời gian chấp hành án được tính kể từ ngày 17/7/2022; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Mai Xuân T1*:* Luật sư Huỳnh Tuấn K – Văn phòng Luật sư Nguyễn Đình T3, đoàn Luật sư tỉnh K; địa chỉ: A N, N, Khánh Hòa (nay là A N, phường N, tỉnh Khánh Hòa*)*, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Đình T2*:* Luật sư Đào Thanh T4 - Công ty L2, Đoàn Luật sư tỉnh K; địa chỉ: D T, N, Khánh Hòa (nay là D T, phường N, tỉnh Khánh Hòa*)*, có mặt.

Bị hại: ông Trần Quốc D, sinh năm 1990; nơi cư trú: D L, Phương S, N, Khánh Hòa (nay là D L, phường T, tỉnh Khánh Hòa*)*, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có xe đi lại, ngày 03/6/2022, Mai Xuân T1 đã liên hệ với ông Trần Quốc D để thuê xe ô tô tự lái; ông D đồng ý và yêu cầu T1 phải có sổ hộ khẩu bản gốc. Triều đã nhờ Trương Đức T5 liên hệ với "Phát" (chưa xác định lại lịch) đặt làm giả Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ là ông Mai Minh H (bố của T1). Ngày 03/6/2023, T1 đến gặp ông D tại nhà số D L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa để ký kết hợp đồng thuê xe ô tô Honda Civic biển kiểm soát 79A-254.46, thời hạn thuê xe 01 tháng, bắt đầu từ ngày 04/6/2022 đến ngày 03/7/2022, giá thuê xe 19.000.000 đồng/1 tháng. Triều đã đặt cọc cho ông D 15.000.000 đồng cùng với sổ hộ khẩu giả mang tên chủ hộ là ông Mai Minh H, do T1 không có giấy phép lái xe, ông D đã thuê ông Mai Văn T6 chạy xe ô tô chở T1 vào tỉnh Bình Thuận để giao xe cho bạn của T1 là Trương Đức T5. Khi đến thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận thì ông T6 giao xe cho T5 và được Triều trả công 500.000 đồng. Sau khi sử dụng xe ô tô trên được một thời gian thì T1 nảy sinh ý định cầm cố xe ô tô 79A-254.46 để lấy tiền trả lương cho công nhân đang làm cho T5. Triều đã lên mạng xã hội tìm người làm giả giấy tờ thì gặp "Mai Kim" (chưa xác định lai lịch). Triều nhờ "Mai Kim" làm giả Chứng minh nhân dân, Giấy đăng ký xe ô tô 79A-254.46 đứng tên Mai Xuân T1. Khi có giấy tờ giả, T1 nhờ "Mai Kim" giới thiệu người nhận cầm cố xe ô tô trên thì "Mai Kim" đã giới thiệu Trần Đình T2 cho T1. Ngày 14/6/2022, T1 cùng Trương Đức T5 đi lên gặp Trần Đình T2 tại hẻm C đường N, phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng ký hợp đồng mượn tiền với số tiền 230.000.000 đồng; thời hạn vay từ 13/6/2022 đến ngày 19/6/2022, tài sản đảm bảo cho khoản vay là xe ô tô 79A- 254.46. T2 yêu cầu T1 đưa các giấy tờ như Đăng ký xe ô tô, Bảo hiểm xe ô tô, Đăng kiểm xe ô tô và Chứng minh nhân dân để đối chiếu thông tin thì T1 đưa các giấy tờ trên cho T2 (trong đó có Đăng ký xe ô tô và Chứng minh nhân dân là giả mang tên T1). Sau khi đối chiếu thấy thông tin trùng khớp, T2 đồng ý cầm cố xe ô tô và giữ lại các giấy tờ, riêng chứng minh nhân dân giả mang tên Mai Xuân T1 thì T2 trả lại cho T1. Sau đó, T2 đã sử dụng tài khoản số 219923163 mang tên Trần Đình T2 mở tại Ngân hàng V1 chuyển số tiền 230.000.000 đồng vào tài khoản số 198958888 mang tên Trương

Đức T5 mở tại ngân hàng M. Do không thấy T1 trả tiền lãi vay nên T2 đã lên mạng xã hội tìm hiểu thì biết được người đứng tên trong Giấy đăng ký xe ô tô 79A-254.46 là ông Trần Quốc D.

Do không có tiền trả cho T2 và sắp hết hạn trả xe, T1 nảy sinh ý định thuê tiếp một xe ô tô của ông D để cầm cố cho T2 để lấy xe ô tô đã cầm cố trước đó ra. Ngày 28/6/2022, T1 cùng Nguyễn Hoàng Q (lái xe do T1 thuê) đi đến gặp ông D để ký kết hợp đồng thuê xe ô tô Honda Civic biển kiểm soát 79A-158.40, thời hạn thuê xe là 01 tháng bắt đầu từ ngày 29/6/2022 đến 28/7/2022, giá thuê xe 19.000.000 đồng/1 tháng. Sau khi thuê được xe, T1 hứa với ông D ngày 03/7/2022 sẽ đem xe ô tô 79A-254.46 về trả cho ông D theo đúng hợp đồng.

Sau đó, ông Q lái xe ô tô chở Triều vào tỉnh Bình Thuận rồi giao xe cho T5. Ngày 01/7/2022, T1 và T5 điều khiển xe ô tô đi lên thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng gặp T2 để cầm cố xe ô tô 79A-158.40 và lấy xe ô tô 79A-254.46 về trả cho ông D. T2 biết được xe ô tô Triều cầm cố là thuộc quyền sở hữu của ông D nhưng do T1 không có tiền trả nợ nên T2 nói T1 viết 02 giấy bán xe ô tô trên thì T1 đồng ý. Sau đó, T2 thỏa thuận bán 02 xe ô tô trên cho Đồng Văn H1 với giá 270.000.000 đồng. Ngày 01/7/2022, Chử Văn H2 cùng với Bùi Văn Đ1 lên gặp T2 theo sự giới thiệu của Đào Công Chí T7 để mua xe ô tô. Việc mua bán xe do Đ1 giao dịch với T2, còn H2 sử dụng tài khoản số 686819099999 mang tên Chu Văn H3 mở tại Ngân hàng M chuyển 135.000.000 đồng vào tài khoản số 9990105051997 mang tên Vi Văn Đ2 mở tại Ngân hàng M theo yêu cầu của T2. Ngày 04/7/2022, Vi Văn Đ2 (em họ của T2) chuyển khoản 120.800.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của T2; H1 chuyển khoản 135.000.000 đồng từ tài khoản số 109875322396 mang tên Đồng Văn H1 mở tại Ngân hàng V2 vào tài khoản số 219923163 của T2 mở tại Ngân hàng V1. Về phía Triều, sau khi viết giấy bán xe thì không đến gặp ông D để giải quyết vụ việc mà bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 02/7/2022, ông D phát hiện xe ô tô 79A-254.46 bị rút định vị.

Ngày 03/7/2022, ông D phát hiện xe ô tô 79A-158.40 bị rút định vị.

Ngày 04/7/2022, D có nhận được tin nhắn từ số điện thoại 0383533031 yêu cầu chuộc lại xe ô tô 79A-158.40 với giá 170.000.000 đồng; xe ô tô 79A-254.46 với giá 200.000.000 đồng đến 230.000.000 đồng.

Ngày 05/7/2022, tài khoản tên "Lùng A S1" trên mạng xã hội zalo kết bạn với ông D và đề nghị ông D trả tiền để chuộc 02 xe ô tô trên. Quá trình trao đổi, người này có chụp cho ông D xem hình ảnh tài khoản 19031938518010 mang tên Nguyễn Thị Lê N1 mở tại Ngân hàng T10 chuyển khoản 160.000.000 đồng vào tài khoản số 0164107777777777 mang tên Đinh Văn V mở tại Ngân hàng O để chứng minh việc người này đang giao dịch bán xe của ông D.

Ngày 06/7/2022, thông qua 01 định vị còn sót lại, ông D phát hiện xe ô tô BKS: 79A-254.46 (đã bị thay biển kiểm soát thành 30G-324.09) đang đỗ tại bãi xe ở phường K, quận T, thành phố Hà Nội. Ông D đã đến địa điểm trên thì được người quản lý xe (không rõ lai lịch) đưa chìa khóa cho ông D rồi bỏ đi.

Quá trình điều tra còn xác định được, sau khi bán 02 xe ô tô của ông Trần Quốc D, T1 đã liên lạc với ông Nguyễn Anh T8 hỏi thuê 01 xe ô tô để đi lại thì ông T8 đồng ý. Ngày 18/6/2022, T1 và ông T8 ký Hợp đồng thuê xe ô tô Honda City biển kiểm soát 79A-384.33, thời hạn thuê từ ngày 18/6/2022 đến ngày

27/6/2022. T1 đã đặt cọc số tiền 5.000.000 đồng cùng với Chứng minh nhân dân giả mang tên Mai Xuân T1 và Sổ hộ khẩu mang tên Trương Thanh L. Ngày 01/7/2022, T1 đậu xe tại địa chỉ A đường C, phường V, thành phố N rồi điện thoại cho ông T8 đến lấy xe, các giấy tờ đưa cho ông T8 thì T1 không lấy lại.

Ngày 02/02/2023, Mai Xuân T1 bị bắt theo Quyết định truy nã.

Ngày 08/8/2024, ông Trần Quốc D có đơn trình báo chiếc xe ô tô 79A-158.40 hiện đang được bảo dưỡng tại cơ sở H5 ở thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại cơ sở H5 thì được biết xe ô tô trên do Đinh Văn V đem đến bảo dưỡng và đã lấy xe về nên đã tiến hành truy thu chiếc xe ô tô trên tại nhà của bà Nguyễn Thị H4 (mẹ vợ của V). Tiến hành làm việc với V, V khai nhận đã mua xe trên mạng xã hội zalo, không biết là xe do phạm tội mà có.

Tại Kết luận định giá số 5394 ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa kết luận xe ô tô biển kiểm soát: 79A-254.46 có giá trị 659.750.000 đồng; Xe ô tô biển kiểm soát: 79A-158.40 có giá trị 638.638.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 501 ngày 15/12/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh K xác định: Chữ viết trên các tài liệu là các Hợp đồng cho thuê xe tự lái đề ngày 03/6/2022, 28/6/2022 so với chữ viết của Mai Xuân T1 trên các tài liệu là Biên bản ghi lời khai, các bản tường trình tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N, đơn tố cáo, tờ khai Chứng minh nhân dân là do cùng một người viết ra.

Tại Kết luận giám định số 160 ngày 24/4/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh K xác định:

+ Chữ viết dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN B (BÊN CHO THUÊ XE)" so với chữ viết của Mai Xuân T1 là do cùng một người viết ra.

+ Chữ ký dưới đề tên "Mai Xuân T1" dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN B (BÊN CHO THUÊ XE)" so với chữ ký của Mai Xuân T1 là do cùng một người ký ra.

Tại Kết luận giám định số 378 ngày 11/8/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh K xác định:

+ Sổ hộ khẩu số 330127089 cấp ngày 08/6/2016, họ và tên chủ hộ: Trương Thanh L, hồ sơ hộ khẩu số 1704, số đăng ký thường trú số 1, tờ số 61, trên tài liệu có xác nhận của Mai Xuân T1 đề ngày 6-4-2023 là thật.

+ Sổ hộ khẩu số 330224568, đề ngày cấp 10/01/2018, họ và tên chủ hộ: Mai Minh H, hồ sơ hộ khẩu số 2792, số đăng ký thường trú số 6, tờ số 90 trên tài liệu có xác nhận của Mai Xuân T1 đề ngày 6-4-2023 là giả.

Tại Kết luận giám định số 412 ngày 10/9/2023, Phòng K1 Công an tỉnh K ghi tên Mai Xuân T1 cấp ngày 21/02/2012 nơi cấp Công an tỉnh K là giả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2025/HS-ST ngày 22/4/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà quyết định:

***[1] Căn cứ vào**:*

- Điểm a khoản 4 Điều 174, khoản 4 Điều 175, điểm b khoản 3 Điều 341, khoản 2 Điều 51, Điều 55 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Mai Xuân T1;

- Điểm a khoản 4 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 56 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Đình T2.

[2] Xử phạt:

- Bị cáo Mai Xuân T1 ***12 (Mười hai) năm*** *tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản",* ***12 (Mười hai) năm*** *tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", và* ***03 (Ba) năm*** *tù về tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Buộc bị cáo Mai Xuân T1 phải chấp hành hình phạt chung của ba tội là* ***27 (Hai mươi bảy) năm*** *tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/02/2023.*

- Bị cáo Trần Đình T2 ***11 (Mười một) năm tù*** *về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Tổng hợp với mức hình phạt* ***04 (***B1***)*** *năm tù theo Bản án số 59/2023/HS-ST ngày 28/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã xét xử bị cáo về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức", buộc bị cáo T2 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là* ***15 (Mười lăm) năm tù****. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/7/2022.*

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 589, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Mai Xuân T1 và bị hại Trần Quốc D, buộc bị cáo T1 phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông Trần Quốc D số tiền 779.615.000 đồng.

[4] Về áp dụng biện pháp tư pháp: *Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự buộc bị cáo Trần Đình T2 phải nộp số tiền 260.000.000 đồng vào ngân sách Nhà nước.*

Bản án sơ thẩm còn có quyết định về xử lý vật chứng, án phí.

- Vào các ngày 06 và 08 tháng 5 năm 2025 bị cáo Trần Đình T2 và bị cáo Mai Xuân T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Mai Xuân T1 giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị hại ông Trần Quốc D trình bày sau khi xét xử sơ thẩm, cha bị cáo T1 là ông Mai Minh H đã thay bị cáo T1 bồi thường cho ông D 300.000.000 đồng và ông D không yêu cầu bị cáo T1 cũng như gia đình bị cáo T1 bồi thường thêm khoản tiền nào nữa; nay đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T1. Luật sư bào chữa cho bị cáo T1 đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận đề nghị của bị hại giảm hình phạt cho bị cáo T1.

- Bị cáo Trần Đình T2 giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Luật sư Đào Thanh T4 bào chữa cho bị cáo Trần Đình T2 trình bày sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo T2 đã tác động gia đình nên gia đình bị cáo T2 đã nhờ Luật sư T4 nộp vào ngân sách Nhà nước 25.000.000 đồng (có Biên lai thu của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa), thể hiện bị cáo thực sự ăn năn hối cải nên đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T2.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Vì có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị giảm cho mỗi bị cáo một phần hình phạt.

- Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Mai Xuân T1 và bị cáo Trần Đình T2 thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định đó là để có tiền tiêu xài cá nhân, trong khoảng thời gian từ ngày 03/6/2022 đến ngày 28/6/2022, Mai Xuân T1 đã 02 lần thuê xe ô tô của ông Trần Quốc D; địa chỉ 49 đường L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, rồi mang đi cầm cố cho Trần Đình T2, cụ thể: Ngày 03/6/2022, Mai Xuân T1 thuê xe ô tô Honda Civic biển kiểm soát 79A-254.46 trị giá 659.750.000 đồng của ông Trần Quốc D để đi lại. Sau đó, T1 nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã sử dụng Chứng minh nhân dân giả mang tên Mai Xuân T1 để cầm cố xe ô tô trên cho Trần Đình T2 lấy 230.000.000 đồng. Ngày 28/6/2022, Mai Xuân T1 đã có hành vi gian dối chiếm đoạt xe ô tô Honda Civic biển kiểm soát 79A-158.40 trị giá 638.638.000 đồng của ông D rồi mang đi cầm cố cho Trần Đình T2. Trần Đình T2 đã có hành vi tiêu thụ 02 xe ô tô trị giá tổng cộng 1.298.388.000 đồng do Mai Xuân T1 chiếm đoạt của ông Trần Quốc D đem đến cầm cố. Do Mai Xuân T1 thực hiện hành vi phạm tội nêu trên nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Mai Xuân T1 phạm vào "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự và "Tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự và tuyên bố Trần Đình T2 phạm vào "Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 323 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt. Sau khi xét xử sơ thẩm hai bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Mai Xuân T1, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy: Sau khi vụ án bị phát hiện, bị cáo T1 đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại D 100.000.000 đồng, cấp sơ thẩm nhận định số tiền này không đáng kể so với thiệt hại bị cáo gây ra nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà chỉ áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi lượng hình đối với bị cáo T1 là không thuyết phục. Tại cấp sơ thẩm bị cáo T1 còn chưa thật thà khai báo, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T1 đã thành khẩn khai báo và đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại Trần Quốc D 300.000.000 đồng và bị hại D không yêu cầu bị cáo T1 cũng như gia đình bị cáo T1 bồi thường thêm và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T1; do đó, cấp phúc thẩm sẽ áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự để giảm cho bị cáo T1 một phần hình phạt về "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và ghi nhận sự tự nguyện của bị hại Trần Quốc D sửa quyết định của bản án sơ thẩm, không buộc bị cáo T1 bồi thường thêm cho bị hại D.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Đình T2 thấy bị cáo T2 chỉ vì ham lợi nên phạm vào "Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội

mà có" nên bị cấp sơ thẩm xử phạt 11 năm tù. Xét, bị cáo Thành thật T9 khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi vụ án bị phát hiện, bị cáo T2 đã tác động gia đình nộp 10.000.000 đồng vào ngân sách Nhà nước và sau khi xét xử sơ thẩm do thật sự ăn năn hối cải nên tác động gia đình nộp vào ngân sách Nhà nước 25.000.000 đồng (có Biên lai thu của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa) nên cấp phúc thẩm xét áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm cho bị cáo một phần hình phạt và khấu trừ vào số tiền bị cáo T2 theo quyết định của bản án sơ thẩm phải nộp ngân sách Nhà nước.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị. Bị cáo T1 và bị cáo T2 kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 39/2025/HS-ST ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa như sau:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, khoản 4 Điều 175, điểm b khoản 3 Điều 341, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 55 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Mai Xuân T1 11 (mười một) năm tù về "*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", 12 năm tù về "*Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" và 03 năm tù về "*Tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*"; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Mai Xuân T1 phải chấp hành hình phạt chung của ba tội là **26 (Hai mươi sáu)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/02/2023.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 323, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 56 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Đình T2 10 (mười) năm tù về "*Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*", tổng hợp với hình phạt 04 năm tù theo Bản án số 59/2023/HS-ST ngày 28/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã xét xử bị cáo T2 về "*Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*", buộc bị cáo Trần Đình T2 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **14 (Mười bốn)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/7/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 589, 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, ghi nhận sự tự nguyện của bị hại Trần Quốc D đã nhận 300.000.000 đồng do cha bị cáo Mai Xuân T1 là ông Mai Minh H thay bị cáo T1 trả, bị hại D không yêu cầu bồi thường thêm.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Trần Đình T2 phải nộp 260.000.000 đồng vào ngân sách Nhà nước, đã nộp 25.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0000160 ngày 07/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa nên còn phải nộp 235.000.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Mai Xuân T1 và bị cáo Trần Đình T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao – Vụ I;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà;
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà;
- Cơ quan CSĐT-CA tỉnh Khánh Hoà;
- Cơ quan THAHS- CA tỉnh Khánh Hoà;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Khánh Hoà;
- Trại Tạm giam số 1- CA tỉnh Khánh Hoà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Kim Nhân